

## 1. Định nghĩa và cách dùng chung của câu điều ước "Wish"

"Wish" (ước, mong ước) được dùng để diễn tả những mong muốn, ước ao về một sự việc không có thật ở hiện tại, hoặc một điều trái với những gì đã xảy ra trong quá khứ, hoặc một mong muốn cho tương lai. Câu điều ước thường thể hiện sự nuối tiếc hoặc sự không hài lòng với thực tế.

## 2. Các loại câu điều ước với "Wish"

Có 3 loại câu điều ước chính, tương ứng với các thời điểm ở hiện tại, quá khứ và tương lai.

### 2.1. Câu điều ước ở hiện tại (Present Wish)

Dùng để diễn tả một mong ước trái với sự thật ở hiện tại. Chúng ta ước một điều gì đó khác đi ngay tại thời điểm nói.

- **Công thức:** S + wish(es) + S + V2/Ved (thì quá khứ đơn)
- **Lưu ý:** Động từ "to be" luôn được chia là "were" cho tất cả các chủ ngữ.

#### Ví dụ:

1. I am busy now. -> I wish I **were not** busy now. (Bây giờ tôi đang bận. -> Tôi ước gì bây giờ tôi không bận.)
2. He doesn't have enough money to buy that car. -> He wishes he **had** enough money to buy that car. (Anh ấy không có đủ tiền mua chiếc xe đó. -> Anh ấy ước mình có đủ tiền để mua nó.)

3. They live in the city, but they don't like it. -> They wish they **lived** in the countryside. (Họ sống ở thành phố nhưng không thích. -> Họ ước gì họ sống ở miền quê.)

## 2.2. Câu điều ước ở quá khứ (Past Wish)

Dùng để diễn tả sự hối tiếc về một sự việc đã không xảy ra hoặc đã xảy ra trong quá khứ.

- **Công thức: S + wish(es) + S + had + V3/Ved (thì quá khứ hoàn thành)**

**Ví dụ:**

1. I didn't study for the test, so I failed. -> I wish I **had studied** for the test. (Tôi đã không học bài cho kỳ thi, nên tôi trượt. -> Ước gì tôi đã học bài.)
2. She didn't come to the party last night. -> We wish she **had come** to the party last night. (Cô ấy đã không đến bữa tiệc tối qua. -> Chúng tôi ước gì cô ấy đã đến.)
3. He regrets shouting at his sister. -> He wishes he **hadn't shouted** at his sister. (Anh ấy hối hận vì đã la mắng em gái. -> Anh ấy ước gì mình đã không la mắng em gái.)

## 2.3. Câu điều ước ở tương lai (Future Wish)

Dùng để diễn tả một mong muốn về sự thay đổi của một sự việc hoặc hành động nào đó trong tương lai. Thường mang ý nghĩa phàn nàn, không hài lòng hoặc mong muốn ai đó thay đổi hành vi.

- **Công thức: S + wish(es) + S + would / could + V-inf**

## • Lưu ý:

- **Would + V-inf:** Dùng khi muốn ai đó/cái gì đó thay đổi hành động, thường là để phàn nàn. Chủ ngữ 1 và chủ ngữ 2 phải khác nhau.
- **Could + V-inf:** Dùng khi muốn diễn tả một khả năng có thể thay đổi trong tương lai. Chủ ngữ 1 và chủ ngữ 2 có thể giống nhau.

## Ví dụ:

1. You are making too much noise. -> I wish you **would stop** making noise.  
(Bạn đang làm ồn quá. -> Tôi ước gì bạn đừng làm ồn nữa.)
2. It's raining. I want to go out. -> I wish it **would stop** raining. (Trời đang mưa.  
Tôi muốn đi ra ngoài. -> Ước gì trời tạnh mưa.)
3. I can't speak French. -> I wish I **could speak** French. (Tôi không thể nói tiếng Pháp.  
-> Tôi ước tôi có thể nói tiếng Pháp.)

## 3. Phân biệt "Wish" và "If only"

"If only" (giá như, ước gì) có thể được dùng thay thế cho "Wish" trong cả 3 loại câu điều ước. Tuy nhiên, "If only" thường mang sắc thái nhấn mạnh hơn, thể hiện sự tiếc nuối hoặc mong muốn mãnh liệt hơn.

Tiêu chí	Wish	If only
<b>Mức độ nhấn mạnh</b>	Thể hiện mong muốn, ước ao thông thường.	Nhấn mạnh hơn, thể hiện sự nuối tiếc, khao khát mãnh liệt hơn.
<b>Ví dụ</b>	I wish I had more time. (Tôi ước tôi có nhiều thời gian hơn.)	If only I had more time! (Giá như tôi có nhiều thời gian hơn!)

VIDOCU.COM

## 4. Bảng tổng hợp các loại câu điều ước

Loại câu ước	Công thức	Cách dùng	Ví dụ
<b>Ước ở hiện tại</b>	S + wish + S + V2/Ved (to be -> were)	Diễn tả ước muốn trái với sự thật ở hiện tại.	I wish I <b>were</b> rich. (Tôi ước tôi giàu.)
<b>Ước ở quá khứ</b>	S + wish + S + had + V3/Ved	Diễn tả sự hối tiếc về một điều trong quá khứ.	She wishes she <b>hadn't missed</b> the train. (Cô ấy ước mình đã không lỡ chuyến tàu.)
<b>Ước ở tương lai</b>	S + wish + S + would/could + V-inf	Diễn tả mong muốn một sự thay đổi trong tương lai.	I wish you <b>would listen</b> to me. (Tôi ước gì bạn chịu lắng nghe tôi.)

## 5. Phân biệt "Wish" và "Hope"

"Wish" và "Hope" đều diễn tả mong muốn nhưng cách dùng hoàn toàn khác nhau.

- **Hope (Hy vọng):** Dùng để nói về những điều có khả năng xảy ra ở hiện tại hoặc tương lai. Động từ theo sau "hope" có thể chia ở thì hiện tại hoặc tương lai.

- **Wish (Ước):** Dùng để nói về những điều không có thật, không thể hoặc rất khó xảy ra (giả định). Động từ theo sau "wish" phải lùi một thì.

### Ví dụ:

- I **hope** she passes the exam. (Tôi hy vọng cô ấy sẽ đỗ kỳ thi - Điều này có khả năng xảy ra.)
- I **wish** I were a superhero. (Tôi ước tôi là siêu nhân - Điều này không thể xảy ra.)

VIDOCU.COM